

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Dau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tô Văn Út E, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Văn Út E trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Út E và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, bắt đầu chung sống vào năm 1999, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Út E yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông Út E và bà H có 03 con chung tên Tô Thị Cẩm T, sinh ngày 08/11/2000 và Tô Thị Kim Ph, sinh ngày 24/6/2002, đã thành niên và có khả năng lao động được; Tô Văn Hoàng A, sinh ngày 21/10/2005, chung sống với ông Út E. Ông Út E yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tô Văn Hoàng A, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Lê H vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Ông Út E có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đó ông Út E giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tô Văn Hoàng A, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Út E và bà H.

- Về con chung: Đối với 02 con chung tên Tô Thị Cẩm T, sinh ngày 08/11/2000 và Tô Thị Kim Ph, sinh ngày 24/6/2002, hiện đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét. Đối với con chung tên Tô Văn Hoàng A, sinh ngày 21/10/2005, đề nghị giao cho ông Út E trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Út E không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Út E và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông Út E và bà H có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông Út E yêu cầu giải quyết cho ly hôn; tuy nhiên, giữa ông Út E và bà H chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Út E và bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông Út E và bà H có 03 con chung tên Tô Thị Cẩm T, sinh ngày 08/11/2000 và Tô Thị Kim Ph, sinh ngày 24/6/2002, đều đã thành niên và có khả năng lao động được, các bên đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với con chung tên Tô Văn Hoàng A, sinh ngày 21/10/2005, đang chung sống với ông Út E. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông Út E là người trực tiếp nuôi con; con chung tên Tô Văn Hoàng A có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với ông Út E. Do đó, để tạo điều kiện cho con ổn định về tâm lý, chỗ ở, học tập và đảm bảo sự phát triển bình thường của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Tô Văn Hoàng A cho ông Út E trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Ông Út E không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Út E phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Út E đã nộp. Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tô Văn Út E và bà Nguyễn Thị Lệ H.

2. Về con chung:

- Ông Tô Văn Út E được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tô Văn Hoàng A, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2005.

- Ông Tô Văn Út E không yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Nguyễn Thị Lệ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Tô Văn Út E cùng các thành viên gia đình của ông Út E, không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp bà H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Út E có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tô Văn Út E phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Út E đã nộp theo biên lai thu số 0003354 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Tô Văn Út E và bà Nguyễn Thị Lệ H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Trương Thị Thu Thủy

Nguyễn Duy Linh